TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ M** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08/2024/QĐST-KDTM	*M, ngày 22 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 07/2024/TLST-KDTM ngày 14/6/2024;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N

Trụ sở: Số 02 L, phường T, quận B, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Tổng Giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền thường xuyên: Ông Vũ Xuân N – Giám đốc Ngân hàng N

Người được uỷ quyền lại:

+ Ông Đỗ Xuân Đương – Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp N

+ Bà Nguyễn Thị M – Cán bộ pháp chế Ngân hàng N – Chi nhánh Hưng Yên II

Bị đơn: Công ty TNHH vận tải xây dựng và thương mại K

Địa chỉ: Phường D, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức D - Giám đốc

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ngân hàng N và Công ty TNHH vận tải xây dựng và thương mại K đều thống nhất được:

2.1. Công ty TNHH vận tải xây dựng và thương mại K có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N tính đến ngày 14/8/2024 theo Hợp đồng tín dụng 01-2011/HĐTD ngày 27/12/2011 tổng cộng là 2.421.665.944 (hai tỷ bốn trăm hai mươi mốt triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn chín trăm bốn mươi bốn) đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 1.850.000.000 (một tỷ tám trăm năm mươi triệu) đồng;

+ Nợ lãi trong hạn: 571.665.944 (năm trăm bảy mươi mốt triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn chín trăm bốn mươi bốn) đồng;

2.2. Kể từ ngày 15/8/2024 Công ty TNHH vận tải xây dựng và thương mại K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 01-2011/HĐTD ngày 27/12/2011 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng.

2.3. Về phương án trả nợ chia làm 06 kỳ:

+ Kỳ 1: Chậm nhất đến ngày 25/02/2025 Công ty TNHH vận tải xây dựng và thương mại K phải thanh toán cho ngân hàng 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng nợ gốc.

+ Kỳ 2: Chậm nhất đến ngày 25/8/2025 Công ty TNHH vận tải xây dựng và thương mại K phải thanh toán cho ngân hàng 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng nợ gốc.

+ Kỳ 3: Chậm nhất đến ngày 25/02/2026 Công ty TNHH vận tải xây dựng và thương mại K phải thanh toán cho ngân hàng 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng nợ gốc.

+ Kỳ 4: Chậm nhất đến ngày 25/8/2026 Công ty TNHH vận tải xây dựng và thương mại K phải thanh toán cho ngân hàng 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng nợ gốc.

+ Kỳ 5: Chậm nhất đến ngày 25/02/2027 Công ty TNHH vận tải xây dựng và thương mại K phải thanh toán cho ngân hàng 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng nợ gốc.

+ Kỳ 6: Chậm nhất đến ngày 25/8/2027 Công ty TNHH vận tải xây dựng và thương mại K phải thanh toán cho ngân hàng toàn bộ số nợ còn lại gồm nợ gốc 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu) đồng; nợ lãi trong hạn 571.665.944 (năm trăm bảy mươi mốt triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn chín trăm bốn mươi bốn) đồng và nợ lãi phát sinh kể từ ngày 15/8/2024 trên số nợ gốc chưa thanh toán tại các kỳ trả nợ theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng Hợp đồng tín dụng số 01-2011/HĐTD ngày 27/12/2011 cho đến ngày Công ty TNHH vận tải xây dựng

và thương mại K trả hết nợ gốc cho ngân hàng.

2.4. Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp Công ty TNHH vận tải xây dựng và thương mại K vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào cho Ngân hàng thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp gồm:

+ Xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai; số khung: ACM988029, số máy: GBM345244, giấy chứng nhận đăng ký xe số: 001560, biển kiểm soát 89A-007.94. Xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai; số khung: ACM987971, số máy: GBM345272, giấy chứng nhận đăng ký xe số: 001279, biển kiểm soát 89A-006.87. Xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai; số khung: ACM988030, số máy: GBM345278, giấy chứng nhận đăng ký xe số: 001559, biển kiểm soát 89A-007.95. Các xe ô tô trên thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty TNHH vận tải xây dựng và thương mại K theo Hợp đồng thế chấp số 03/HĐTC/KL ngày 27/12/2011 để thu hồi nợ cho ngân hàng.

+ Xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai; số khung: CM991482, số máy: BM347467, giấy chứng nhận đăng ký xe số: 001981, biển kiểm soát 89A-009.33. Xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai; số khung: CM991497, số máy: BM347495, giấy chứng nhận đăng ký xe số: 001984, biển kiểm soát 89A-009.34. Xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai; số khung: ACM988044, số máy: BM345494, giấy chứng nhận đăng ký xe số: 001983, biển kiểm soát 89A-009.40. Xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai; số khung: CM988135, số máy: BM345941, giấy chứng nhận đăng ký xe số: 001978, biển kiểm soát 89A-009.41. Xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai; số khung: CM988036, số máy: BM345245, giấy chứng nhận đăng ký xe số: 001977, biển kiểm soát 89A-009.42. Xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai; số khung: ACM991489, số máy: BM347496, giấy chứng nhận đăng ký xe số: 001980, biển kiểm soát 89A-009.43. Xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai; số khung: CM988056, số máy: BM345276, giấy chứng nhận đăng ký xe số: 001979, biển kiểm soát 89A-009.44. Các xe ô tô trên thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty TNHH vận tải xây dựng và thương mại K theo Hợp đồng thế chấp số 01/HĐTC-TL/KL ngày 27/12/2011 để thu hồi nợ cho ngân hàng.

2.5. Trường hợp kê biên phát mại tài sản thế chấp không đủ thì Công ty TNHH vận tải xây dựng và thương mại K phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng đến khi thanh toán xong khoản nợ cho ngân hàng.

2.6. Án phí: Công ty TNHH vận tải xây dựng và thương mại K phải chịu 40.216.659 (Bốn mươi triệu hai trăm mười sáu nghìn sáu trăm năm mươi chín) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí 40.029.347 (Bốn mươi triệu không trăm hai mươi chín nghìn ba trăm bốn mươi bảy) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003420 ngày 14/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã M;
- Chi cục THADS thị xã M;
- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Oanh